

Số : 3468 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 4/8/2021 của UBND tỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 6/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh: Điều chỉnh giảm 169.680 triệu đồng của 13 danh mục, dự án để bố trí bổ sung cho 08 danh mục, dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

2. Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của 11 xã thuộc 6 huyện, thị xã (Tuy Phước, An Nhơn, Phù Mỹ, An Lão, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn).

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, TT TH-CB, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục số 01

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Đề xuất điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú	
				Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM							-169.680			
a	Dự án hoàn thành							-53.133			
1	Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	Ban QLDA DD&CN	2021-2023	2204/QĐ-UBND; 15/7/2022 4452/QĐ-UBND; 27/12/2022 3348/QĐ-UBND; 10/9/2023	39.529	39.249	32.457	-9	32.448		
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Quy Nhơn	Sở TN&MT	2023-2024	250/QĐ-SKHĐT; 20/9/2023	1.791	1.791	1.642	-157	1.485		
3	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở TTTT	2021-2023	4003/QĐ-UBND; 30/9/2021	27.000	27.000	27.000	-94	26.906		
4	Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng giai đoạn 2021 - 2025; Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc	Ban QLDA DD&CN	2021-2023	1313/QĐ-UBND; 22/4/2022	17.703	17.703	16.357	-656	15.701		
5	Kè chống sạt lở lòng Canh Tân.	UBND huyện Vân Canh	2022-2024	245/QĐ-SKHĐT; 30/10/2018 59/QĐ-SKHĐT; 27/4/2022	6.563	4.086	4.049	-345	3.704		
6	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	Ban QLDA DD&CN	2017-2024	4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018; 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 và 974/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	741.995	58.465	30.986	-17.974	13.012		
7	Xây dựng mới khoa Truyền nhiễm - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Sở YT	2022-2023	135/QĐ-SKHĐT; 12/7/2022	13.894	13.894	13.895	-756	13.139		
8	Đường vào bãi rác xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	UBND huyện Vân Canh	2019-2020	90/QĐ-SKHĐT; 23/5/2019 314/QĐ-UBND; 27/11/2020	8.526	8.526	7.939	-4.821	3.118		
9	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	Ban QLDA GT	2019-2023	1338/QĐ-UBND; 18/4/2019 3975/QĐ-UBND; 25/9/2020 905/QĐ-UBND; 23/3/2022	1.355.000	1.147.321	606.617	-28.321	578.296		
b	Dự án đang triển khai thực hiện							-1.667			
1	Trường THPT Xuân Diệu	Sở GD&ĐT	2022-2024	210/QĐ-SKHĐT; 9/8/2023	5.683	5.683	6.184	-500	5.684		
2	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo	Sở GD&ĐT	2022-2024	212/QĐ-SKHĐT; 9/8/2023	7.810	7.810	8.578	-767	7.811		
3	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	2022-2024	211/QĐ-SKHĐT; 9/8/2023	4.873	4.873	5.273	-400	4.873		
c	Dự án tạm dừng thực hiện										

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Đề xuất điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
				Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	Ban GPMB	2020-2023	1460/QĐ-UBND; 22/4/2021	129.670	129.670	129.000	-114.880	14.120	
B	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG							169.680		
I	Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cần bổ sung vốn							144.948		
1	Công trình: Sh03-BĐ2021	BCH QS tỉnh	2023-2026	1822/QĐ-QK; 25/11/2022	42.469	42.469	10.000	13.000	23.000	
2	Xây dựng hạ tầng cảnh quan phía sau Bảo tàng Quang Trung (phần mở rộng)	Sở VHHT	2024-2026	2344/QĐ-UBND; 01/7/2024	19.995	19.995	5.768	6.948	12.716	
3	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	Ban QLDA GT	2023-2024	Số 1343/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	519.799	519.799	405.199	40.000	445.199	
4	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiên - Diêm Vân	Ban QLDA GT	2023-2024	Số 1343/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	2.674.648	874.648	420.000	85.000	505.000	
II	Dự án bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn							22.567		
1	Tuyến đường Cửu Lợi, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn	UBND TX Hoài Nhơn	2024-2026	2471/QĐ-UBND; 09/07/2024	35.000	7.567		7.567	7.567	
2	Sửa chữa nhà điều trị Khoa Nội Tim mạch và Khoa Tim mạch can thiệp thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	2024-2026	2252/QĐ-UBND; 25/06/2024	13.000	13.000		5.000	5.000	
3	Đường vào Khu và cụm công nghiệp Tây Giang	UBND huyện Tây Sơn	2024-2027	31/NQ-HĐND; 12/7/2024	88.401	38.311		10.000	10.000	
III	Dự án hoàn trả vốn ứng trước NSTW							2.165		
1	Di dời và TĐC dân vùng thiên tai thôn Tân Phụng	UBND huyện Phù Mỹ	2008-2009	313/QĐ-SKHĐT; 17/9/2008	3.808	3.808		2.165	2.165	

Ghi chú: (*) Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/ dự toán	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
						KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Huyện Tuy Phước								
1	Xã Phước Thắng						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-494,000		
	Nâng cấp đường GTND từ 631 đi cống Tăng Thực	Thanh Quang	2022	795/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	1.003	492,500	-2,500	490,000	
	Nâng cấp đường GTND từ đội 13 đi đội 19	Thanh Quang	2022	795/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	700	350,000	-150,000	200,000	
	Nâng cấp đường giao thông từ cống ông Quý đi đội 2 Lạc Điền	An Lợi, Lạc Điền	2022	795/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	600	341,500	-341,500	0,000	
b	Danh mục tăng vốn						494,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	BTXM tuyến Hai Phú đi Phố Đông	Phố Đông	2025		700		120,000	120,000	
	Nâng cấp đường giao thông từ Đập Cù đi cống tiêu đội 5 thôn Lạc Điền	Lạc Điền	2025		800		294,000	294,000	
	BTXM tuyến Đội 2 Dương Thành đi Khuông Bình	Khuông Bình	2025		450		80,000	80,000	
2	Xã Phước Thành						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-694,000		
	Nâng cấp trường Tiểu học số 1 Phước Thành	Cảnh An 1	2024-2025	4228/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	715	512,400	-162,400	350,000	
	Nâng cấp trường Trung học cơ sở Phước Thành	Cảnh An 2	2024-2025	4079/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	746	868,900	-499,900	369,000	
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An 1	Bình An	2023	230/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	478	370,000	-31,700	338,300	
b	Danh mục tăng vốn						694,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Thăm nhựa đường BTXM đường liên xã tuyến Thôn Bình An 2 - Phước An	Bình An 2	2025		850	0,000	400,000	400,000	
	<i>Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa</i>								
	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An 2	Bình An 2	2025		750	0,000	294,000	294,000	
II	Thị xã An Nhơn						0,000		
1	Xã Nhơn Tân						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-464,000		
	Xây dựng, nâng cấp mở rộng mặt đường giao thông nông thôn tuyến An Tương A, Nam Tương 3 (Điểm đầu: đường ĐH36 nhà ông Bạch Kim Hùng, điểm cuối: ngã ba nhà ông Trần Văn Chín)	Nam Tương 3	2022	166/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	2.749	1.233,000	-464,000	769,000	
b	Danh mục tăng vốn						464,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Xây dựng nâng cấp mở rộng giao thông tuyến đường ĐH 36 Quán Cai Ba đi Hồ Núi I (Đoạn từ trường THCS Nhơn Tân đến công cao Thọ Tân Bắc)	Nam Tương 3	2022	371/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	14.908	230,000	464,000	694,000	
2	Xã Nhơn Lộc						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-10,037		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Hồ Văn Thái đến nhà ông Nguyễn Minh Hoà (Đông Lâm)	Đông Lâm	2022	24/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	1.735	690,000	-10,037	679,963	
b	Danh mục tăng vốn						10,037		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.638 đến tuyến đường ĐH.39 (Tân Lập - An Thành)	An Thành, Tân Lập	2022	709/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	13.112	1.400,000	10,037	1.410,037	
III	Huyện Phù Mỹ						0,000		
1	Xã Mỹ Chánh Tây						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-300,000		
	Nâng cấp mở rộng tuyến Ngõ 5 Lương đi Ngõ Miên	Trung Thứ			865	300,000	-300,000	0,000	
b	Danh mục tăng vốn						300,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Thăm nhựa tuyến đường từ ĐT.632 đi thôn Hiệp	Trung Hiệp	2024	265/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	732		300,000	300,000	
IV	Huyện An Lão						0,000		
1	Xã An Tân						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-400,000		
	Đoạn từ nhà Ông Rạng đến khu gian dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taluy)	Thanh Sơn	2023	519/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	826	850,000	-400,000	450,000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/ dự toán	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
						KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
b	Danh mục tăng vốn						400,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Đoạn từ nhà ông Rang đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taluy) đoạn nối tiếp	Thanh Sơn	2024			0,000	400,000	400,000	
V	Huyện Vĩnh Thạnh								
1	Xã Vĩnh Hào						0,000		
a	Danh mục giảm vốn						-266,735		
	Thoát nước, chống ngập đọng cục bộ khu vực nhà văn hóa đa năng xã	Định Tam	2023		766	689,000	-266,735	422,265	
b	Danh mục tăng vốn						266,735		
	<i>Tiêu chí: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>								
	Thoát nước, chống ngập đọng cục bộ khu vực UBND xã Vĩnh Hào	Định Tam	2023-2024	2957/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	763		266,735	266,735	
VI	Huyện Tây Sơn								
1	Xã Tây An								
a	Danh mục giảm vốn				7.500	1.183,000	-489,000	694,000	
	Xây dựng nhà văn hóa, thể thao xã Tây An	Trà Sơn	2024-2025		7.500	1.183,000	-489,000	694,000	
b	Danh mục tăng vốn				1.172	0,000	489,000		
	<i>Tiêu chí: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>								
	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Bình An	Trà Sơn	2022	57/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	1.172	0,000	489,000	489,000	
2	Xã Tây Thuận								
a	Danh mục giảm vốn				6.000		-1.183,000	0,000	
	Trung Tâm văn hóa thể thao xã Tây Thuận	Thượng Sơn			6.000	1.183,000	-1.183,000	0,000	
b	Danh mục tăng vốn				3.552	0,000	1.183,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Đường từ QL19 đến Đồng lý HM: Nền mặt đường BTXM	Thượng Sơn	2023	136/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	480		210,000	210,000	
	Đường sau nhà ông 8 Ta đến nhà Bình, từ nhà ông Hiền đến cầu thủy điện HM: Nền , mặt đường BTXM	Tiên Thuận	2023	135/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	558		279,000	279,000	
	Đường từ nhà ông sanh đến kênh mương; từ bê tông đến nhà máy thủy điện; Bàu ông Bình	Tiên Thuận	2023	15/QĐ-UBND ngày 30/01/2023	467		230,000	230,000	
	<i>Tiêu chí: Thủy Lợi</i>								
	Tuyến kênh mương Đồng Dinh	Tiên Thuận	2023-2024	254/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	548		130,000	130,000	
	Tuyến kênh mương đồng trên nhà ông Cửu đến ruộng ông Mỹ, đồng cây Cam, đồng bà Kim	Tiên Thuận	2023	242/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.040		230,000	230,000	
	Tuyến kênh mương Đồng Xe, Rộc Lem	Trung Sơn	2025		459		104,000	104,000	
3	Xã Tây Vinh								
a	Danh mục giảm vốn						-1.108,000		
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ quán bà Mèo đi Bờ dô xóm 5	An Vinh 2				110,000	-110,000	0,000	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Thìn xóm 4	An Vinh 2				230,000	-230,000	0,000	
	Đường giao thông nội đồng từ bờ Đổ (Xóm 5 tới sông Du Lâm)	An Vinh 2				100,000	-25,000	75,000	
	Đường từ cây xăng Mười Đức dọc sông Du Lâm đến Bờ Đổ xóm 5	Nhon Thuận				383,000	-383,000	0,000	
	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường từ Nhà ông Trợ xóm 7 đến Cầu Bà Tiêu	Nhon Thuận				180,000	-180,000	0,000	
	Đường giao thông từ nhà ông Lợi đến Mương Khai	Nhon Thuận				100,000	-100,000	0,000	
	Giao thông nội đồng từ đám ruộng 2 Ánh tới Bờ Đổ Gò Giang	An Vinh 2				80,000	-80,000	0,000	
b	Danh mục tăng vốn				3.670	0,000	1.108,000		
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>								
	Nâng cấp, mở rộng đường đi vào Khu di tích Gò Dài	An Vinh 1	2023	151/QĐ-UBND ngày 28/06/2023	1.036		414,000	414,000	
	Giao thông nội đồng dọc mương rút Mỹ Vinh (đoạn An Vinh 2)	An Vinh 2	2023	150/QĐ-UBND ngày 28/06/2023	1.443		394,000	394,000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/ dự toán	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
						KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Giao thông nội đồng từ Cổng Từ đường đến cầu ông Diên	Bình Đức	2023	183/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	1.191		300,000	300,000	
4	Xã Bình Thành								
a	Danh mục giảm vốn				0		-719,000		
	Nâng cấp đường từ QL 19B đến xóm An Lợi	Kiên Ngãi	2024			583,000	-239,000	344,000	
	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Mân đến nhà ông Nhân	Kiên Long	2024			600,000	-250,000	350,000	
	Đường từ Gò Me đến Ruộng cải tạo	Kiên Ngãi	2022-2023	351/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.415	230,000	-230,000	0,000	
b	Danh mục tăng vốn					0,000	719,000		
	<i>Tiểu chi: Giao thông</i>								
	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã 3 xóm 4 đến đường Suối Bà Trung	Phú Lạc	2024	95/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	1.438		719,000	719,000	